



léi míng
雷鸣

noun · thunder

Example Sentences

Chuāng wài chuán lái léi míng shēng

窗 外 传 来 雷 鸣 声 。

Thunder came from outside the window.

Léi míng guò hòu xià qǐ le dà yǔ

雷 鸣 过 后 ， 下 起 了 大 雨 。

After the thunder, heavy rain began to fall.

Trace each character, then write the word on your own.

雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷	雷
雷	雷	雷	雷	雷						

鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣	鸣
